

## Trăm Hoa Đua Nở Trên Đất Bắc

### Phần II:

#### TÀI LIỆU (NHÂN VẬT VÀ TÁC PHẨM)

000o000

### Chương 3:

#### Các nhà văn đứng tuổi

Chúng tôi xếp vào hạng đứng tuổi những nhà văn hiện nay từ 40 đến 55 tuổi, đã có địa vị trong làng văn từ trước ngày kháng chiến. Nhưng căn cứ vào tuổi tác và thái độ chính trị của họ, chúng tôi phải chia họ thành hai phái, **mới** và **cũ**.

**Phái mới** gồm những nhà văn xuất hiện từ 1940 đến 1945, hấp thụ được nền giáo dục của Pháp nhưng chưa được hưởng thụ dưới chế độ thực dân. Vì ra đời muộn màng, không bị ảnh hưởng sa đoạ của phong trào truy lạc từ 1930 đến 1940, nên họ còn giữ được tính nét ngay thẳng, tinh thần đấu tranh không vụ lợi. Tất cả đều tham gia kháng chiến rất tích cực và hầu hết đều là đảng viên cộng sản.

Nhưng ngày nay tất cả đã chống lại Đảng, duy có một mình Tố Hữu vẫn trung thành với Đảng. Nhưng dù theo cộng sản hoặc chống lại cộng sản, họ đều là những người hiện nay có một lập trường dứt khoát, không có thái độ mập mờ thụ động.

**Phái cũ** gồm những nhà văn đã xuất hiện từ 1930 đến 1940. Phần lớn là công chức dưới thời Pháp thuộc, như Tú Mỡ (công chức Sở Phi năng), hay Xuân Diệu (công chức nhà đòan). Một số là những người đã dùng ngòi bút để ca tụng chế độ cũ, như Vũ Ngọc Phan (viết báo *Franco-Annamite*) hay Hoài Thanh (viết báo *Patrie Annamite*). Một số nữa là những người đã sống bằng văn chương lãng mạn dưới chế độ cũ như Thế Lữ và Nguyễn Tuân. Vì vậy nên tất cả **phái này ngày nay không chống cộng, cũng như ngày xưa họ không chống thực dân. Họ là những người đã được hưởng thụ trong thời tiền chiến nên đã mất hết tinh thần đấu tranh.** Đa số hiện nay vẫn làm công chức cho Đảng như ngày xưa họ đã làm công chức cho Pháp. Chỉ có một điều **khác trước là ngày nay họ không sáng tác nữa.** Thế Lữ có thể coi là điển hình cho nhóm này.

- **Một thiểu số có thái độ xu thời như Hoài Thanh, Xuân Diệu ngày nay chạy xung quanh Tố Hữu,** cũng như ngày xưa chạy xung quanh Phạm Quỳnh. Nhóm này ngày nay cũng chỉ làm “công chức văn nghệ”, không sáng tác, hoặc quên mất sáng tác. Họ là những người mà Phùng Cung mệnh danh là **“Con ngựa già của Chúa Trịnh”.**
- **Một thiểu số nữa có tâm địa bất trắc. Hễ Đảng chiêu thì ca tụng Đảng, hễ Đảng hắt hủi thì quay ra chống lại Đảng.** Nguyễn Tuân và Nguyễn Công Hoan thuộc vào hạng này

Vì những nhà văn công chức đã giải nghệ không sáng tác, nên trong phần này chúng tôi chỉ giới thiệu :

- **Tố Hữu** là nhà văn xưa này vẫn **trung thành với cộng sản;**
- **Nguyễn Tuân** tiêu biểu cho một bọn văn nhân xoay xở, **lúc nịnh Đảng, lúc chửi lại Đảng;**
- **Văn Cao, Trần Duy, Hoàng Cầm, Hữu Loan, Sỹ Ngọc, Chu Ngọc, Như Mai,** là những nhà văn hiện nay dứt khoát **chống cộng.**

Tóm lại về phương diện tư tưởng thì những người trước kia đã chống thực dân, thì nay cũng chống cộng (trừ trường hợp Tố Hữu), còn những nhà văn trước kia chịu đựng hoặc phục vụ thực dân thì ngày nay cũng chịu đựng hoặc phục vụ cộng sản. Một mặt khác, xét về phương diện văn chương thuần túy, thì về nghệ thuật viết văn, phái cũ đã nhường chỗ cho phái mới. Những bài chúng tôi trích sau đây chứng tỏ điều đó.

## TỔ HỮU

Tổ Hữu là thần tượng của thi ca cộng sản Việt Nam cũng như Mayakovski ngày xưa là thần tượng của thi ca Liên Xô. Ông là một trong 18 Trung ương Ủy viên của Đảng Lao động Việt Nam và hiện giữ nhiệm vụ lãnh đạo văn nghệ ở Bắc Việt.

Tổ Hữu sinh ở Huế, học ở trường Khải Định và trong khi đương còn là học sinh đã gia nhập Đảng Cộng sản và đã nổi tiếng về văn thơ. Ông bị bắt năm 1939, đày đi Lao Bảo, cho đến năm 1945, nhân dịp chính phủ Trần Trọng Kim tha các tù chính trị ông mới được thoát khỏi trại giam. Ra khỏi nhà tù, ông về ngay Thanh Hoá hoạt động Việt Minh. Vì dáng người nhỏ nhắn, nên ông thường cải trang làm con gái, lẩn quất ở vùng Sầm Sơn. Ông điều khiển cuộc khởi nghĩa ở Thanh Hoá, và sau này giữ chức Bí thư Tỉnh bộ. Năm 1947 ông lên Việt Bắc, được bầu làm Ủy viên Trung ương dự khuyết và đến năm 1954 trở thành Ủy viên thực thụ. Vì là văn sĩ nên Đảng giao cho ông nhiệm vụ lãnh đạo văn nghệ. Trong suốt thời gian kháng chiến ông chỉ làm được một số bài thơ ca tụng kháng chiến, ca tụng “Bác Hồ” và “ông Sít-ta-lin”. **Trong thời gian Sửa sai, ông lánh mặt sang Tàu**, mãi đến gần đây, sau khi đã đàn áp xong phong trào đối lập, ông mới trở về giữ chức vụ cũ.

Để giới thiệu với độc giả **lời thơ tán dương lãnh tụ** rất phồn thịnh trong nền thi ca cộng sản, chúng tôi trích sau đây **hai bài thơ đặc biệt nhất của Tổ Hữu**. Lời thơ của ông rất hay, nhưng vì ông chuyên dùng ý thơ để ca tụng lãnh đạo nên cũng như những loại thơ ca tụng khác, độc giả cảm thấy **tinh thần thấp hèn của người viết**. Hiện nay ông có một địa vị tương đương với địa vị của Myakovski năm 1930, nhưng có người tiên đoán rằng, cũng như Mayakovski, ông sẽ tự tử ngày nào không biết. Điều đó có lẽ không đúng vì con người Myakovski khác mà con người Tổ Hữu khác.

### Bài ca tháng Mười

*Thuở Anh chưa ra đời  
Trái đất còn nức nở  
Nhân loại chưa thành người  
Đêm ngàn năm man rợ  
Nước mắt, máu, mồ hôi  
Đong hàng bát, hàng bát  
Bán đổi lấy cơm ôi  
Nhặt từng hạt, từng hạt  
Từ khi Anh đứng dậy  
Trái đất bắt đầu cười  
Và loài người, từ đây  
Ca Bài ca tháng Mười  
Những mắt buồn sắp nhắm  
Bừng dậy, thấy tương lai  
Những bàn tay lại nắm  
Cờ đỏ qua đêm dài  
Những đầu lên máy chém  
Nhìn đao phủ, hiên ngang:  
“Muôn năm, Đảng Cộng sản!  
“Chào Xô Viết Liên bang!”  
Ơi người Anh đừng cảm  
Luỹ thép sáng ngời ngời  
Đây Việt Nam tháng Tám  
Em Liên Xô tháng Mười!  
Hoan hô Xta-lin  
Đời đời cây đại thọ  
Rợp bóng mát hoà bình  
Đứng đầu ngọn sóng gió  
Hoan hô Hồ Chí Minh  
Cây hải đăng mặt biển*

Bão táp chẳng rung rinh  
Lửa trường kỳ kháng chiến! (1950)

### Đời đời nhớ Ông

Bữa trước mẹ cho con xem ảnh  
Ông Sta-lin bên cạnh nhi đồng  
Áo Ông trắng giữa mây hồng  
Mắt Ông hiền hậu, miệng  
Ông mỉm cười  
Trên đồng xanh mênh mông  
Ông đứng với em nhỏ  
Cổ em quàng khăn đỏ  
Hương tương lai  
Hai ông cháu cùng nhìn  
Sta-lin! Sta-lin!  
Yêu biết mấy, nghe con tập nói  
Tiếng đầu lòng con gọi Sta-lin!  
Mồm con thơm sữa xinh xinh  
Như con chim của hoà bình trắng trong  
Hôm qua loa gọi ngoài đồng  
Tiếng loa xé ruột xé lòng biết bao  
Làng trên xóm dưới xôn xao  
Làm sao, Ông đã... làm sao, mất rồi!  
Ông Stalin ơi, Ông Stalin ơi!  
Hỡi ơi, Ông mất! Đất trời có không?  
Thương cha, thương mẹ, thương chồng  
Thương mình thương một, thương Ông thương mười  
Yêu con yêu nước yêu nòi  
Yêu bao nhiêu lại yêu Người bấy nhiêu!  
Ngày xưa khô héo quạnh hiu  
Có người mới có ít nhiều vui tươi  
Ngày xưa đói rách tội đời  
Có người mới có được nồi cơm no  
Ngày xưa cùm kẹp giày vò  
Có người mới có tự do tháng ngày  
Ngày mai dân có ruộng cày  
Ngày mai độc lập ơn này nhớ ai  
Ơn này nhớ để hai vai  
Một vai ơn Bác một vai ơn Người  
Con còn bé dại con ơi  
Mai sau con nhé trọn đời nhớ Ông!  
Thương Ông mẹ nguyện trong lòng  
Yêu làng, yêu nước, yêu chồng, yêu con  
Ông dù đã khuất không còn  
Chân Ông còn mãi dấu son trên đường  
Trên đường quê sáng tinh sương  
Hôm nay nghi ngút khói hương xóm làng  
Ngàn tay trắng những băng tang  
Nói liền khúc ruột nhớ thương đời đời.

(5-1953) (Trích tập thơ Việt Bắc) \*

## NGUYỄN TUÂN

Nguyễn Tuân sinh năm 1913 ở Thanh Hoá, con một ông thông phán toà sứ. Ông học tiểu học ở Thanh Hoá, rồi sau ra Hà Nội, chỉ học hai năm ở trường tư rồi bỏ học, **chơi bời lêu lổng**. Nguyễn Tuân bắt đầu viết văn từ 1938. Những tác phẩm của ông đều là **những tùy bút, tả những cảnh ăn chơi của thời xưa hoặc thời nay**.

- *Vang bóng một thời*, tả những thú ăn chơi thời xưa.
- *Tùy bút* viết về đời sống truy lạc của tác giả.
- *Ngọn đèn dầu lạc*, một thiên phóng sự về thú hút thuốc phiện.

Trong cuốn *Nhà văn hiện đại* Vũ Ngọc Phan đã phê bình Nguyễn Tuân như sau: “*Nguyễn Tuân là một nhà văn theo thuyết hoài nghi, có khuynh hướng về chủ nghĩa vật chất*”.

Trong thời gian kháng chiến ông cũng bị Đảng phê bình là lãng mạn, lập dị, nên trong một cuộc chỉnh huấn năm 1953 ông đã tuyên bố **phủ nhận tất cả các tác phẩm trước của ông và hứa sẽ “lột xác”**. Vì cố gắng lột xác nên ông được “thắt cà vạt đỏ, đi giày da vàng, đọc đít cua, ăn tiệc nhồm nhoàm và bay đó bay đây”.

Nhưng sau khi được đi Helsinki về, ông lại thèm ăn và **viết bài “Phở” đăng trong báo Văn**. Sau đó ông bị Đảng chỉnh và **cùng với Nguyễn Công Hoan, Nguyễn Tuân quay trở lại chống Đảng và mưu phản bằng cách dùng tờ báo Văn làm cơ quan ngôn luận của nhóm đối lập**.

Chúng tôi trích ba bài sau đây của Nguyễn Tuân để chứng tỏ sự thay đổi chính trị của ông qua ba thời kỳ khác nhau:

- Bài “Phở” để chứng tỏ rằng Nguyễn Tuân suốt đời chỉ chú trọng đến miếng ăn,
- bài “Phê bình nhất định là khó” để chứng tỏ rằng Nguyễn Tuân hễ “cáo” thì có thể chửi lại Đảng
- và bài “Tự phê bình” để chứng tỏ rằng hễ bị khủng bố là Nguyễn Tuân lại vội vã đầu hàng ngay.

Tóm lại Nguyễn Tuân là điển hình cho một loại văn nghệ sĩ truy lạc, không có lập trường tư tưởng dứt khoát, nhưng có một âm mưu rõ rệt: dùng tài ba để hưởng thụ dưới chế độ cộng sản nhiều hơn dưới chế độ cũ. Một phần nào Nguyễn Tuân đã thành công trong ý định đó.

o O o

## PHỞ

Xứ Phần Lan rừng thông trùng trùng xanh ngắt, nước hồ biếc biếc, phụ nữ da trắng một màu tượng tuyết, gái trai quần áo len ngũ sắc người nào cũng như nai nịt sắp biểu diễn điện kinh. Mình thành ra lạc lõng vào một thế giới vật chất nó sạch sẽ quá, sạch đến cái mức tạo cho tôi một thứ nghi ngờ nơi đây là một ấn tượng giả tạo. Cảnh và người Hen-xanh-ky, ví phỏng đây đó lem nhem đi ít chút, có lẽ tôi dễ thân gần hơn. Chúng tôi ở đây mười ngày, mỗi ngày họp trả tiền ăn mỗi người là sáu đồng đô la, nó là cái tiêu chuẩn đã khá cao của đoàn đại biểu ta đi hoạt động quốc tế. Mỗi ngày ăn ba bữa, khẩu phần thừa thãi bổ béo; nghi thức lúc ăn thật là trang trọng: đồ sứ, pha lê, khăn bàn trắng muốt, quanh bàn ăn chốc chốc lại cử nhạc, những chị đưa món ăn trông đẹp như rượu rót trong các truyện thần thoại phương Bắc này. Tôi hào hứng làm việc liền liền ở Đại hội Hoà bình Thế giới, cơ thể nhịp đều, tâm trí có nhiều sáng kiến. Nhưng ăn uống sao không thấy ngon. Người ta thường nói rằng những bậc vĩ nhân hoặc hiền giả có chí lớn chỉ biết có sự nghiệp mà rất coi nhẹ miếng ăn. Nhưng trường hợp tôi kể ra đây chỉ là cái trường hợp thông thường của một con người bình thường thôi.

Chúng tôi là mấy anh em trong đoàn đi, mỗi người một công tác chuyên môn, nhưng đều cùng đã gian khổ với nhau trong kháng chiến và cũng là người Hà Nội cả. Quanh hồ khu Ô-ta-ni-ê-mi, chúng tôi ngồi dưới rừng thông xanh phân tích với nhau xem tại sao lòng dạ mấy người đang thấy nhớ thương một cái gì xa xôi lắm. Từ hôm xách va ly ra tàu qua nước này nước khác, thế là mấy tháng rồi; ở nhà đã hoàn thành tiếp quản Hải Phòng rồi, đất đai miền Bắc giải phóng toàn bộ rồi... Nhưng mà chúng tôi đã kéo cuộc nhàn đàm xoáy vào chuyện ẩm thực và muốn giúp đỡ nhau tìm hiểu vì đâu mà lâu nay ăn uống kém ngon. Có người bèn chỉ tay thẳng xuống nền cỏ bờ hồ Phần Lan, buông thõng một câu: “Bây giờ có ngay một gánh phở đổ bên bờ hồ này, thì tớ đã luôn sáu bát!”. Tất cả đều rao lên. Thì ra gần đây chúng tôi héo hắt đi, vì xa đất nước, khẩu vị lạc điệu, thấy nhớ nhà nhớ nước, trong cái nhớ nhà nhớ đất nước, có cả một sự nhớ ăn phở nữa. Hình ảnh

bát phở quê hương đưa ra lúc ấy giải quyết đúng vào thắc mắc chung của mấy người. Tất cả đều thi nhau đề cao những đức tính của phở dân tộc. Dưới đây liên tiếp những mẩu chuyện góp về một bát phở, về một miếng ăn kỳ diệu của tất cả những người Việt Nam chân chính.

Này, các cậu có thấy món ăn ở Phần Lan có nhiều cái rất kỳ quặc không. Thịt bò rán, lại phết mứt công-phi-chưa ngọt sất lên trên. Cam chanh lại ăn kèm với cá gỏi. Cơm lại ướp vào tử nước đá, mình thấy đĩa cơm có khói, lúc ăn buốt đến chân răng. Nghệ thuật ẩm thực ấy tôi gọi tên là lối nấu nướng của trường phái lập thể. Cho nên tôi càng thấy cần phải trở về với món quà cổ điển rất tính chất dân tộc của ta, tức là phở.

Phở còn là một món ăn rất nhiều quần chúng tính. Ông muốn ăn phở ngồi hay đứng lù lù ra giữa hiệu mà ăn cũng không ai nói, ăn ngồi ăn đứng tùy thích. Phở là món ăn bình dân. Công nông binh trí, các tầng lớp nhân dân lao động, thành thị, nông thôn, không mấy ai là không biết ăn phở. Người công dân Việt Nam khi còn ẩm ngựa, cũng nhiều vị đã nếm phở rồi; chỉ có khác người lớn là cái bát phở của tuổi ấu trĩ chưa biết đau khổ ấy chưa cần phức tạp, không cần hành hăng, chanh chua, ớt cay. Con nhà nghèo, nhiều khi lại không cần cả thịt nữa, mà căn bản phở nhi đồng vẫn là bánh và nước dùng thôi.

Phở ăn bất cứ vào giờ nào cũng đều thấy trôi cả. Sớm, trưa, chiều, tối, khuya, lúc nào cũng ăn được. Trong một ngày ăn thêm một bát phở, cũng như lúc trò chuyện ăn giọng nhau mà pha thêm một ấm trà, cùng thưởng thức với bạn bè. Hình như không ai nhớ từ chối một người quen rủ đi ăn phở. Phở giúp cho người thanh bạch đủ điều kiện biểu hiện lòng thành theo với bầu bạn nó hợp với cái túi nhỏ của mình. Phở còn tài tình ở cái chỗ là mùa nào ăn cũng thấy có nghĩa thâm thúy. Mùa nắng, ăn một bát, ra mồ hôi, gặp cơn gió nhẹ chạy qua mặt qua lưng, thấy như giời quạt cho mình. Mùa đông lạnh, ăn bát phở nóng, đôi môi tái nhợt chợt thắm tươi lại. Trong một ngày mùa đông của người nghèo, bát phở có giá trị như một tấm áo kếp mặc thêm lên người. Đêm đông, có người ăn phở xong, tựa coi như vừa nuốt được cả một cái chăn bông và tin rằng có thể ngủ yên đến sáng, để mai đi làm khoẻ. Dùng những hình ảnh bình dị để nói lên mùa đông ở Việt Nam, tôi cho không gì nên thơ bằng cái hình ảnh một bếp lửa hàng phở bên ô tô nhiều hành khách vây quanh chờ đợi bát mình, vai rụt xuống một tí, người nhún nhẩy như trẻ em đang thú đời. Tết, nhà ai cũng bánh chưng, cá kho, thịt đông, nhưng vẫn rất đông người tinh cờ mừng tuổi nhau ở những hiệu phở khai trương từ mừng hai Tết.

Vì hay la cà với phở, mà tiếng nói của tôi được chính xác và giàu có thêm lên. Trước kia tôi cứ tưởng chữ "xương xẩu" là một tiếng đôi, và chữ "xẩu" chỉ là một tiếng đệm. Ông hàng phở đã làm cho từ ngữ tôi hôm ấy thêm lên một danh từ. Xẩu khác với xương, dùng để chỉ những cái đầu xương phở có dính thịt và gân róc chưa hết. Tôi đã thấy những người phu xe kéo vào hiệu phở gọi một chén rượu với một bát xẩu. Tôi còn được nghe một ông phở khác nói đến mỡ gầu, cái tảng thịt giắt mỡ quý giá, nó không béo quá, mà lại quánh như sáp, ròn và mềm ấy mà gọi là một cánh gầu; và lúc cầm vào cân thịt tái, thịt tươi còn nhẩy lên dưới làn dao, mà gọi là một quả thăn. Trong tiểu thuyết Việt Nam trước đây, nhớ người ta có viết cái truyện "Anh hàng phở lấy vợ cô đầu". Tôi còn được nghe một cô điểm ngày xưa ví von than đời tàn "đời hồi này như một gánh phở bánh trưng mỡ nguội đóng váng". Phở nguội tanh thật là buồn hơn cả cái sự đời cô gái thập thành bị ma cô lừa bỏ. Chữ nghĩa của ta hay thật! Người ta bảo chữ phở là xuất xứ từ chữ "ngưu nhục phấn", và ta đã Việt Nam hoá chữ phấn thành ra chữ phở. Chữ phở nguyên là một danh từ, còn chuyển thành một hình dung từ: cái mũ phở. Chữ nghĩa của ta hay thật!

Đố biết thế nào là mũ phở? Lại cứ phải dựng chân dung những người bán phở gánh chân chính ngày xưa thì mới tìm nguyên ra được. Những người bán phở gánh xưa kia có người đỗ ở đầu phố này, hoặc giữa phố nọ, hoặc ở tít trong cùng một cái ngõ cụt, mỗi người một "giang sơn nào, anh hùng ấy", người mua quen mặt người bán, và người bán thuộc cả thói quen và sở thích người ăn trong phố. Những anh hàng phở "hùng cứ một phương" này lại còn thuộc cả nhân số từng hộ khẩu và ngày giỗ tết trong từng gia đình khách hàng quen của mình. Họ thường là những người làm ăn chân thật, hay mặc một cái áo vành-tô vải vàng hoặc dạ màu cứt ngựa của ông bình khổ đồ thải ra, trên đầu là một cái mũ cát mắt cả nùm chòm, và nhất là hay đội những cái mũ dạ méo mó đã mất cả băng hoặc rách cả bo. Những cái mũ này đặt lên đầu người nào cũng không chỉnh, mà hình như chỉ đặt lên đầu những bác phở gánh là có một ý nghĩa. Không những thế, cái mũ phở ấy, còn là một dấu hiệu tập hợp, một cái hình thức gây tín nhiệm nữa. Những con người đội mũ rách ấy thường là người làm phở ngon, nếu không ngon thì chỉ ít cũng phải là ăn được. Phở gánh với ông đội mũ phở nay thấy hiếm, chỉ còn phở xe, phở hình tàu thủy có ống khói phở, phở quán, phở hiệu. Đồ chơi trẻ con ngày xưa làm bằng sắt tây sơn màu, ở phố Hàng Thiếc, có ghi lại cái dáng ông phở gánh, bánh xe đồ chơi càng chuyển, càng cử động cái cánh tay cầm dao nhắc lên thái xuống.

Phở cũng có những quy luật của nó. Như tên các hàng phở, hiệu phở. Tên người bán phở thường chỉ dùng một tiếng, lấy ngay cái tên cúng cơm người chủ hoặc tên con mà đặt làm tên gánh, tên hiệu, ví dụ phở Phúc, phở Lộc, phở Thọ, phở Trường Ca, phở Tư... Có khi một cái tên tật nguyên trên thân thể người bán phở được cảm tình quần chúng thân mật nhắc lại thành một cái tên hiệu: phở Gù, phở Lấp, phở Sút... cái khuyết điểm trên hình thù ấy đã chuyển thành một cái uy tín trong nghề bán miếng chín mà lưu danh một thời trên cửa miệng những người sành. Quần chúng nhân dân, nhất là nhân dân Hà Nội có nhiều sáng kiến để đặt tên cho những người họ yêu tin. Anh hàng phở ấy hay đứng ở đâu bán hàng, họ lấy luôn cái địa điểm ấy mà gọi thành tên người. Bác phở Nhà Thương, ông phở Đầu ghi, anh phở Bến tàu điện, anh phở Gầm cầu... Có khi lấy một vài nét đặc thù trong cách phục sức mà gọi. Cái mũ tàu bay trên đầu ông bán phở thời Tây xưa, đã thành cái tên một người bán phở trừ danh của thủ đô sau này. Có lẽ vì gần với quần chúng trung lưu và người nghèo, nên cũng như "ông chủ" hiệu hớt tóc, hiệu cà phê, tên anh hàng phở cũng chỉ có một tiếng gọn gàng.

Tôi chưa hề thấy ông bà hàng phở nào nổi tiếng trong nghề mà tên lại dài lê thê, chẳng hạn như phở Tôn Thất Khoa gì gì, hoặc phở Trần Thị Kim Anh gì gì đó. Cái tên càng đọc âm ngắn cộc, càng đáng cho người mua tin cậy; cái tên một chữ, gọn như một nhát dao thái xuống thịt chín. Và lại những biển hàng hiệu phở dù là giữa đất Hà Nội văn hoa mỹ tự, cũng chỉ đặt tên một cách nôm na, không kẻ những chữ huyền hoang. Tôi chưa thấy biển hiệu phở nào mà lại đề tên một cách quá trầm bổng du dương cả. Ví phỏng có ai mở phở mà nổi máu hay chữ lên mà đề biển thì tôi không bao giờ chọn những hiệu phở có tên như "Thu Phong", "Bạch Tuyết", "Nhất Chi Mai" mà vào ăn. Trong nghề phở, nó cũng có những cái nền nếp của nó.

Nhưng khoa phở đã có những việc nó đòi phá cả những khuôn phép của nó. Theo tôi nghĩ, cái nguyên tắc cơ bản của phở là làm bằng thịt bò. Có thể có nhiều thứ thịt loài bốn chân, loài ở nước, loài bay trên trời, nó ngon hơn thịt bò, nhưng đã phở thì phải là bò. Có phải là vì muốn chống công thức mà người ta đã làm phở vịt, phở xá xíu, phở chuột? Cứ cái đà tìm tòi ấy, thì rồi sẽ có những hàng phở ốc, phở ếch, phở dê, chó, khỉ, ngựa, tôm, cá chép, bồ câu, các kê... nghĩa là loạn, phở nổi loạn. Có nhẽ ngày ấy thiên hạ sẽ gọi là đi ăn một thứ phở Mỹ miếc gì đó. Trong năm đói 1945, ở đây nổi nước phở của thời đại, ở Hải Phòng và Hà Nội, đã có thùng phở có cả những bàn tay trẻ con: nhưng đó lại là chuyện khác.

Lại còn phở ngẫu pín. Chắc thứ phở này chỉ những người năm bảy vợ hoặc thích léng phéng mới hay ăn. Tên thứ thịt phở này, còn gọi lại một thứ roi của bọn Tây độc ác hay đánh cu li đến thối thịt tím xương. . Lại còn phở gà. Muốn đổi cái hương vị chính thống của phở bò, ăn một vài lần phở gà trong đời mình cũng không sao. Nhưng có một hàng bán phở gà ở Hà Nội mà nhiều người thủ đô không bằng lòng chút nào. Y bán vào buổi sớm, người xúm lại kêu ăn gặt đi không hết. Cái người bán hàng khinh khỉnh như một quý tộc đó, cũng đã khéo chọn một góc phố mang tên một bà chúa mà dọn hàng! Nói của đáng tội, gà ở đây trông ngon mắt thật. Đã có những bạn lưu dung khen ông hàng là nhất nghệ tinh nhất thân vinh, và khen tay ông lách vào con gà béo vàng như tay một bác sĩ khoa mổ xẻ thuộc lâu từng khớp xương thớ thịt. Cái đầu gà, cái cẳng giò gầy, cái cổ, xương mỏ ác, ông hàng thần nhiên vớt nó xuống một cái thùng, không phải để vớt đi, nhưng chắc là đã có những bọm rượu khu phố ăn giá sẵn từ trước rồi để chốc nữa đem ra nhấm nháp.

Thực ra, khi mà có người ăn bát phở gà không tiếc tiền dám gọi đến cái thứ phở từ một ngàn năm trăm đồng một bát, thì bát phở ấy cũng khó mà không ngon được. Hãy đứng ở đây một buổi sớm mà xem người ta ăn phở gà. Sốt ruột đáo để. Người ăn mè gà, người ăn đùi, ăn thịt đen chứ không ăn thịt trắng nó chua, ăn lá mỡ, phao câu, ăn đầu cánh. Miếng ăn ở đây đích thị là một miếng nhục, nhục theo cái nghĩa một miếng thịt ngon hợp khẩu vị, và cũng đi theo cái nghĩa nhục nhân túi bụi. Ở vỉa hè đường ấy, cứ nhao nhao cả lên quanh một ông hàng mặt phớt tình như đế quốc Ăng-lê và bán hàng rất cửa quyền, khách phải đi lấy lấy bát. Có người đã dắt sẵn từ nhà đi một củ hành tây, có người quả trứng gà... đập trứng bỏ hành tây vào cái bát mình đã thủ sẵn và đánh dấu vào bát, dúm dúm bát trước mặt ông hàng, cười cười, nhắc nhắc, xuýt xoa nói to nói nhỏ, cứ như là sợ cuộc đời nó quên mình, nó nhầm mình... Bên cạnh tiếng thái tiếng chặt của gánh phở gà, chốc chốc có tiếng nổ xe bình bịch lái xuống tận đây ăn quà sớm, khói phở phảng phất giây lát ít mùi ét-săng. Có người vừa húp vừa kể lại cái thời oanh liệt của cửa hàng này, khi còn đế quốc và bù nhìn, ô-tô cứ nối đít xuống đây mà điếm tâm, nhiều bà Hà Nội tứ chiếng cầm vào bát phở gà, mười ngón tay lóng lánh nhẫn vàng tằm, vàng trắng, cà rá kim cương, miếng phao câu lúc ấy còn mọng lên biết mấy nữa kia.

Trong kháng chiến có những tay phở nổi tiếng ở vùng tự do như phở Dơi, phở Đất, phở Cổng, (tên vẫn một tiếng thôi) nhưng cũng có những bát phở, chưa được đúng cách thức lắm mà ăn vào vẫn cứ thấy cảm động. Ví dụ, phở ở căn cứ địa, làm ngay trong cơ quan. Một vài cơ quan ở quanh Trung ương, chung nhau giết bò

để bồi dưỡng theo kế hoạch hàng tháng. Thịt sẵn, xương sẵn, nhưng thiếu nước mắm, thơm, hành mùi, bánh lại là bánh đa khô. Nhưng cứ làm. Những châu phở ngày chủ nhật ở bên bờ suối cơ quan, thật là đầu đề phong phú cho báo liếp.

Hình như Thạch Lam trước đây cũng có bàn về phở, nhưng vẫn còn phiến diện. Thạch Lam có nhắc đến vấn đề cải lương ở Hà Nội văn vật. Đầu năm 1928, ở Phố Mới, cái phố trước đây mang tên thực dân Đồ Phở Nghĩa, có một hàng phở cho cả húng liu, cả đầu vừng, đậu phụ. Nhưng những cái lỗi tìm tòi ấy không thọ, vì trình độ nhận thức của quần chúng phở không sa đoạ như người chế tạo. Quần chúng vẫn đòi hỏi những cái cố hữu của phở. Ngày nay cũng còn có người cho cả tương tàu lạp-chiu-chương vào phở, nhưng đây là cái quyền của người có tiền, ai muốn bày vẽ ra thế nào, nhà hàng cũng chiều trong phạm vi có thể của phở. Nhiều người bảo nên ăn phở tái thì bổ hơn phở thịt chín. Có thể là như thế đấy. Nếu cần bổ thì cũng có thể uống Pan-tô-cô-rin Liên Xô hoặc làm tễ thuốc Bắc, còn kết quả trông thấy rõ hơn là ăn phở tái. Thật ra, ăn phở cho đúng, đúng cái “gu” của phở, phải ăn thịt chín. Thịt chín thơm hơn thịt tái, mùi thơm miếng thịt chín mới biểu hiện đúng cái tâm hồn của phở. Thêm nữa, về mặt nhữn thức tạo hình, người thẩm mỹ bao giờ cũng thấy miếng thịt chín đẹp hơn miếng thịt tái. Thường những hiệu phở không tự trọng, hay thái sẵn thịt chín, thái cứ vụn ra không thành hình thù gì cả, ai đến gọi là rắc vào bát. Có thể việc ấy không hề gì với khách hàng không cần ăn no vội.

Nhưng cũng trong một cái hiệu vẫn thái thịt vụn ra ấy, ông chủ phở rất là phân biệt đối xử và không san bằng các thứ khách: đối với những khách quen, với những người có thể ông chưa biết quý danh nhưng ông đã thuộc tính ăn, những người cầu kỳ ấy mà bước vào hiệu, là ông đã đặt ngay tay dao vào những khối thịt chín đặc biệt như khối nạm ròn, nạm giắt hoặc khối mỡ gầu, thái ra những miếng mỏng nhưng to bản, với cái sung sượng bình tĩnh của một người được tỏ bày cái sở trường của mình trong nghề. Ông nào ăn phở mà có chất họa thì thấy muốn vẽ tranh tĩnh vật ngay. Có những lúc ông phở ấy gắt, gắt với vợ ông, vì vợ ông thái không đẹp. Một ông làm đầu bếp hiệu chim quay trong hồ Hà Nội chiếm đóng, nay cũng ra mở phở và thích múa dao nói chuyện với khách về cái khoa thái. *“Chặt thái loài có cánh đã khó, mà thái miếng thịt bò không xương còn khó hơn. Tôi dạy mãi mà đàn bà nhà tôi vẫn không làm được, đàn bà thường chỉ thái bánh thôi”*.

Trong số những thắc mắc của một số ông Hà Nội trí thức dở người ta có nhắc đến một ông lo sau này ta tiến lên kinh tế hoàn toàn xã hội chủ nghĩa, kinh tế phân tán không còn nữa, thì mất hết phở dân tộc, và rồi sẽ phải ăn phở đóng hộp, mỗi lúc ăn bỏ cái hộp phở ấy vào nồi nước sôi trước khi đục ra ăn, và như thế thì nó trương hết bánh lên. Cũng ngay trong hiệu phở, có người đã đập ngay lại: *“Thôi, đốt ông đi. Ông đừng có làm cái chuyện lo ngại sập ấy đi. Hiện nay phở đang phát triển mạnh ở thủ đô Hà Nội, lớn nhỏ, gánh rong, bán trong nhà, bán ngoài hè, có đến trên dưới hai ngàn chủ phở. Người Việt Nam còn thì còn phở bát, bát phở trong tương lai vẫn nóng sốt như bây giờ. Phở bát của ta không thể thành một thứ đồ hộp đâu, người công dân Hà Nội này xin trả lời ông là một nghìn lần không, không, không thể có sự thô bạo ấy”*

Cái thế giới phở Hà Nội trước đây hình như cũng có những thứ nhân vật nghiệp dĩ của nó. Làng chơi, học trò, ông binh, thầy ký sờ buôn, ông phán sờ toà, con bạc, chủ hiệu nhỏ, những người lao động vận tải, những người làm nghề tự do... Có những lính lê dương chạy đến hàng phở, ăn xong tính tiền, lật ngay cái mũ đồ ra, trong cái mũ có cái quần lĩnh vừa cướp ở nhà chứa ra; người khách hàng lính đánh thuê đó đã vắt quần lĩnh đó xuống quày hàng thay một thứ trả tiền, rồi ù té chạy... Có những tay giàu sụ nhưng tính nét hấp lìm, mua bánh mì thả vào nước phở béo mà cứ gọi là ăn cơm Tây bình dân. Có những người đàn bà trái duyên trợn cơm nguội vào bát phở nóng, mà ăn một cách ngon lành, nhưng người ngoài trông vào thì thấy nó thê lương thế nào ấy. Có những người sống không nhà cửa, chuyên môn đứng đường, chạy hàng xách chợ đen đủ các thứ, lúc tính tiền hoa hồng, lấy bát phở tái năm xu làm đơn vị giá cả, *“việc này mà trôi chảy, ông bà chị cứ cho em một trăm bát tái nạm, vân vân...”*

Hương vị phở vẫn như xưa xưa, nhưng cái tâm hồn người ăn phở ngày nay, đã sáng sủa và lành mạnh hơn nhiều... Ngày trước, anh hàng phở có tiếng rao, có người rao nghe quạnh hiu như tiếng bánh dày giò đêm đông tội lỗi trong ngõ khuất; có người rao lên nghe vui rền. Tại sao, bây giờ Hà Nội vẫn có phở, mà tiếng rao lại vắng hẳn đi? Có những lúc, tôi muốn thu thanh vào đĩa, tất cả những cái tiếng rao hàng quà rong của tất cả những thứ quà rong, của tất cả những thứ quà miếng chín trên toàn cõi quê hương chúng ta. Những tiếng rao ấy, một phần nào vang hưởng lên cái nhạc điệu sinh hoạt chung của chúng ta đấy.

Chúng tôi ngồi trên bờ một cái hồ xứ Bắc ở ngoại thành Hen-xanh-ky tưởng nhớ đến một bát phở quê hương, và đối với món ăn đó của dân tộc đáng yêu chúng ta ở Đông Nam châu Á, chúng tôi đã phát hiện những đức tính dồi dào của phở, tự mình cho đó là những cơ sở vững chắc để dựng nên một nền lý luận cho món phở. Sau đó mấy tháng trở về nước, đặt chân lên đất Hà Nội, bữa cơm đầu tiên của tôi là một bữa phở. Về sau này, hay rủ nhau đi ăn phở, tôi được đi sâu vào ý nghĩ của một anh bạn nó đã trở thành một ám ảnh: “*Minh khen phở mình là một món ăn ngon, nhưng trước khi khẳng định giá trị dân tộc của phở, có nên tranh thủ thêm ý kiến của bạn bè, quốc tế của ta không? Bạn Liên Xô, bạn Ba Lan, Hung, Tiệp, Đức sẽ có cảm xúc gì về món phở Việt Nam? Họ đã có dịp nếm phở chưa? Bài dân ca của mình họ nghe rồi, đất nước mình, các bạn thấy rồi. Nhưng còn phải cho bạn mình ‘thấy’ phở nữa, bởi vì phở cũng là một thứ tiếng hát yêu đời của tất cả những tấm lòng con người Việt Nam chân chính và bình dị*”.

Thế rồi một hôm khác, cũng trong một quán phở nổi tiếng Hà Nội, tôi đã nghe được mẩu chuyện giữa hai nữ sinh một trường phổ thông cấp 3 gần đây:

- Phở hiệu này, ăn mê quá. Thế đó chị biết Hồ Chủ tịch và các lãnh tụ Đảng có thích phở không?
- Làm thế nào mà biết được – Này, nói đùa chứ các cụ mà đến ăn cho hiệu nào, thì chủ hàng thật là sung sướng vô bờ đấy chị nhỉ!

Hai cô rút túi lấy gương con chiếu lẩn vào hàm răng nhau xem có vương tí hành tí rau mùi nào không, cười ríu rít như chim đàn nhảy quanh bàn phở. Mẩu chuyện của hai cô học trò như giúp tôi hiểu thêm nữa về phở, và giúp tôi nhận thức đến những cái nó quan trọng hơn cả phở nữa.

Ít lâu nay, chúng ta hay nói đến thực tế Việt Nam, đến vấn đề thực tiễn Việt Nam, đến những đặc tính của Việt Nam trong mọi điều kiện chuyển mình tiến lên. Tôi thấy rằng trong muôn vàn thực tế phong phú của nhân dân Việt Nam, có một cái thực tế mà hàng ngày ít aiỡ tách rời nó, tức là cái thực tế phở. Cái thực tế phở ấy lồng vào trong những cái thực tế vĩ đại của dân tộc. Trong một giọt nước rơi lóng lánh có cả câu chuyện của vàng thái dương; trong một miếng ăn, cũng thấy rộng được ra những điều cao cả yên vui trên đất nước bao la giàu có tươi đẹp. Tôi thấy tổ quốc chúng ta có núi cao vòi vọi điệp điệp, có sông dài dằng dặc, có biển bờ thăm thẳm, có những con người Việt Nam dũng cảm xây đắp lịch sử quang vinh, có những công trình lao động thần thánh như chiến thắng Điện Biên, **nhưng bên cạnh những cái đó, tôi biết rằng tổ quốc tôi còn có phở nữa**. Trong những năm chiến tranh giải phóng, kẻ thù bay trên bát phở, có những bát phở phải húp vội trong đêm tối tăm, quệt ngang ống tay áo mà nhảy xuống lỗ hầm; có những bát phở bị bom, bánh trượng lên mà người ăn không còn thấy trở lại một lần nào nữa. Nhớ lại cái hồi tôi về công tác ở vùng sau lưng địch, tôi không thể quên được mấy cái quán phở khuya trên con đê miết lấy vùng căn cứ du kích; những bát phở nóng ăn sau những đêm vượt vành đai trắng và xuyên qua vị trí địch, ăn có một hương vị thật là đặc biệt; sau này nó tổng cần, nó hút hết các quán trên đê, không biết người bán phở đêm đó, có còn sống hay đã chết trong chuyến ấy rồi? Lại còn cái lần đi chiến dịch với tiểu đoàn Lũng Vài, tôi không quên được những cuộc hành quân với đồng chí cấp dưỡng ban chỉ huy; đồng chí ấy gánh rất nhiều nồi niêu ga-men và thực phẩm công kênh, các chiến sĩ đều đùa gọi là “ông hàng phở của tiểu đoàn”.

Trước kháng chiến đồng chí ấy vốn mở hiệu phở; nay hoà bình rồi, đồng chí có còn sống mà mở phở lại? Nhiều hình ảnh phở trong những năm gian khổ đã hiện về. Giờ mà ngồi an tâm ăn bát phở nóng sốt giữa ban ngày bất giác cần nhớ ơn nhiều người. Rồi mới cảm xúc phở vụt chốc bay xa rộng mênh mông. Bỗng nghĩ đến những vùng chăn nuôi xanh rờn ánh cỏ sữa khu tự trị Thái-Mèo, những đàn bò Lạng Sơn, Thanh Hoá đang cúi xuống ngón cỏ ngon trên đất nước. Gạo mấy vụ liền lại được mùa, bột bánh mìn và dẻo. Rau cỏ vùng ngoại thành Hà Nội: mở rộng mãi những diện tích xanh ngon vô tận, rau thơm hành hoa phụng phức cái hương vị thổ ngơi.

Đêm Hà Nội, nay thức khuya nhất vẫn là những hiệu phở. Xưa kia phở ông Trường Ca bán đến bốn giờ sáng ở đình Hàng Bạc – cái nơi tập trung nhân dân Hà Nội năm đầu kháng chiến để rút ta khỏi vòng vây địch. Đình cũ không còn ông Trường Ca nữa, nhưng nay đã có ông phở Sữa sai thay ông mà thức khuya. Người Hà Nội đặt tên đến là hay. Trước đây ông nấu bếp hiệu cao lâu Tàu; rồi ông ra mở phở. Rồi ở quê ông quy nhằm ông, ông phải về quê, giao lại quán phở cho bạn. Nay ông được sửa sai, lại trở lại thủ đô, chính quyền khu phố miễn thuế cho ông một thời hạn và tìm một chỗ lợi địa thế cho ông mở hiệu. Món quà của ông phở “Sữa sai” càng thơm ngon một cách chất phác hơn bao giờ. Có thể là cảm tình của khách hàng, đối với một người phở quen nay được khôi phục càng làm cho **bát phở giải oan** có thêm nhiều dư vị nữa. Những bát phở hồn hậu ấy cũng chỉ là một sự đền bù công bằng đối với những người làm ăn lương thiện khu phố đi xem hát về hoặc họp hành bình bầu học tập xây dựng vừa xong.



## **Nguyễn Tuân**

(Trích tuần báo *Văn* của Hội Nhà văn Việt Nam số 1 và 2 ngày 10-5-1957 và 17-5-1957 xuất bản tại Hà Nội)

o O o

### **PHÊ BÌNH NHẤT ĐỊNH LÀ KHÓ**

Trong quá trình biểu hiện thực tế ở miền Bắc, tuần báo *Văn* đã được ông Thế Toàn xây dựng thêm cho bằng một bài luận đăng ở tạp chí *Học tập* số tháng 7-1957. Ông Nguyễn Hồng liền trả lời, (báo *Văn* số 15) có những câu:

“... Sự nhận định của tạp chí *Học tập* về con người, về sáng tác, thể hiện trong tuần báo *Văn* không những làm ban biên tập của tờ báo không đồng ý mà cả nhiều quần chúng cũng phải đề ra những câu hỏi: – Tại sao sự nhận thức và thái độ phê bình của tạp chí *Học tập* lại như thế? – Có phải vì giáo điều, sơ lược, công thức, nên mới có sự nhận thức và phê phán như thế? – Có phải vì tác phong quan liêu, thái độ trịch thượng và cái lối đao to búa lớn nên mới có sự nhận thức như thế...”

(Tôi cũng xin hỏi tại sao ông Nguyễn Hồng lại không gọi thẳng tác giả bài đó ra mà nói, mà lại cứ gọi một cách trùm lợp là báo *Học tập*? Mặc dầu ở đầu bài đã nêu là trả lời bài viết của tác giả Thế Toàn, nhưng bạn đọc vẫn có thể hiểu nhầm.)

Tiếp theo đó, trong *Học tập* số tháng 8-1957, lại có một bài bút ký của hai ông Hồng Chương và Trịnh Xuân An với những câu:

“... Chúng ta cũng kiên quyết phản đối thái độ của một số cán bộ đảng viên phụ trách văn nghệ phạm khuyết điểm sai lầm được báo chí Đảng giúp đỡ phát hiện khuyết điểm sai lầm mà không chịu khiêm tốn và thành tâm sửa chữa, trái lại lại đã kích và mạt sát báo chí Đảng...”

Ấy là thâu tóm ít nét diễn biến của vấn đề. Và dưới đây là một số ý kiến nhỏ của tôi về công việc phê bình văn học trên cái cơ sở cụ thể của việc vừa nêu trên. Tôi phải nói ngay rằng mười số *Văn* phản ảnh con người mới lên báo còn yếu. Cũng là do trình độ biểu hiện của con người thời đại còn thấp mức, còn kém đầy thôi. Ấy cứ tìm quanh quẩn chỗ lý do trình độ ấy, cứ xoáy vào đó, thì giải quyết đúng vào vấn đề, bằng không thì sẽ lạc mất tính chất khách quan trong việc đánh giá. Trong việc đánh giá, đặc biệt nhất là ba ông Thế Toàn, Hồng Chương, Trịnh Xuân An đã có những “thái độ trịch thượng và lối nói đao to búa lớn”. Tôi cũng đồng ý với ông thư ký toà soạn báo *Văn* về cái nhận xét này. Thêm nữa, cá nhân tôi lại còn cảm thấy mấy ông đó đã làm cho người đọc phải hiểu rằng các ông lấy Đảng ra để “doạ” anh em viết bài báo. Dù muốn hay không muốn, hậu quả của cái cách nhìn cách viết của mấy ông là đã tạo ra ấn tượng kia.

Hắn ông Hồng Chương còn nhớ một buổi họp mở rộng của toà soạn tuần báo *Văn* để kiểm điểm báo, mà ông có dự? Có những ý kiến đưa ra để hỏi xem bài của ông Thế Toàn đăng ở *Học tập* số 7/1954 là tiếng nói chính thức của Đảng, hay đó chỉ là tiếng nói của một người biết bài? Riêng tôi vẫn nghĩ (và có nói ngay lúc ấy) rằng đây không phải là tiếng nói thật sự của Đảng, mà đây chỉ là một bài của một người, và toà soạn đã quên nêu lên đầu bài một vài ý kiến gì đó của toà soạn (cái việc này là một chi tiết nhưng rất quan trọng mà người phụ trách tạp chí không thể không thận trọng, nhất là tạp chí của Đảng đều về thấu tới các chi bộ cơ sở). Ông Hồng Chương có trả lời ngay là cũng xin cứ coi nhau như là bạn đồng nghiệp và phê bình giúp đỡ lẫn nhau.

Kế sau đó ông về rồi cùng ông Trịnh Xuân An cho ra một bài bút ký đăng số 8/1957, quy cho báo *Văn* đã “đả kích và mạt sát báo chí Đảng”. Cái gì mà lại có tính cách hăm dọa như vậy? Cứ vào những chứng cứ gì mà hai ông quy cho người khác là mạt sát báo Đảng? Các ông há chẳng nhớ câu thành ngữ: “Ai muốn giết con muông của mình thì quy cho nó là chó dại”? Các ông có nghĩ đến sinh mệnh chính trị của những người đồng chí đồng nghiệp của các ông khi họ bị vu như vậy không? Tôi rất phản ứng với cái “thói phê bình có tính chất xuyên tạc và phá hoại có tính cách thô bạo, đàn áp ý kiến đó”. Tôi gạch dưới câu này, chính cái câu của đồng chí Trường Chinh trong văn kiện mà hai ông đã dẫn ra trong bài bút ký hai ông còn nhắc thêm “chúng tôi đã thu hoạch được sau khi đọc bài nói chuyện ấy”. Cũng trong bài bút ký lịch sử của hai ông, sau khi đã gấp lưã bỏ tay người ta như vậy rồi, hai ông còn đề nghị: “Anh chị em văn nghệ sĩ chúng ta không nên e ngại phê bình, mà nên làm quen với lối phê bình thẳng thắn...”. Thế này thì quá quắt quá mất. Có phải bây giờ chữ

nghĩa dùng nó khác cả đi rồi không? Có phải vì một số danh từ và hình dùng từ của chúng ta bị lâm vào tình trạng lạm phát không? Cái cách làm như vậy, nó thuộc vào loại con người cũ, hay là ta lại cũng gán cho “cái con người mới” để mà tô hồng hoặc bôi đen trát xám? Làm như vậy rồi, mà hai ông vẫn còn kêu (cũng trong bài ấy) rằng: “... Cảm thấy phê bình một số anh chị em văn nghệ sĩ là một việc “khó quá”. Mong rằng các anh chị văn sĩ sẽ hăng hái ủng hộ...”. Xin nói ngay rằng bản thân tôi không những không thể ủng hộ được cái cách làm như hai ông đã làm mà tôi còn có bổn phận nói toạc ra rằng như thế là không tốt, không hay, không đúng. Hai ông kêu phê bình là khó, có phải tại các ông đã tin vào cái câu của nhà phê bình Boalô nói rằng: “Phê bình là dễ dàng, và sáng tác là chật vật”, cho việc ấy là quá dễ dàng mà nay thấy nó đụng phải nhiều thực tế phức tạp (nhất là thực tiễn Việt Nam trên con đường phức tạp gian lao của chủ nghĩa xã hội ở xứ ta) mà các ông rên khó không? Tôi chỉ là một người sáng tác trung bình, nhưng tôi cũng thông cảm được với hai ông về cái khó khăn của công tác phê bình. Nếu dễ làm, làm không vấp, làm đến đâu cũng là bay là giỡn cả rồi, thì sao người ta đã lợi dụng được hai ông, đã lợi dụng được chúng ta?

Nhân nói đến cái khó khăn của phê bình mà những nhà phê bình khách quan chúng ta sẽ vượt được lên, tôi muốn nêu ra đây cái vấn đề kỷ luật phê bình. Ta mới chỉ nói đến kỷ luật sáng tác thôi mà sao chưa nói đến kỷ luật phê bình? Kỷ luật phê bình nêu ra đây, là tất nhiên cũng là một thứ kỷ luật tự giác, cũng như mọi thứ kỷ luật lao động, kỷ luật sáng tác, kỷ luật tuyên truyền khác ta vẫn làm. Phê bình thiệt là khó. Theo tôi nghĩ, có khi còn khó hơn cả sáng tác (chứ không như Boileau nói đâu) vì chính bản thân cái công tác ấy, nó rất có tính chất sáng tạo, và nó cần phải được như thế. Làm đúng làm hay, nó có giá trị cả hai mặt; trước hết nó đánh lùi và đánh chết cái hư cái hỏng cái ác, và mặt khác, nó đưa cái tốt lên, nó làm yên tâm và gây hào hứng cho những thiện chí và, nói theo tự vị kinh tế, thì nó đẩy mạnh lực lượng sản xuất, mức sản xuất và chất lượng sản phẩm. Trong một số khó khăn gây thêm ra do phê bình, về mặt tiêu cực của công tác phê bình, gần đây, chúng ta cũng đã có một số kinh nghiệm xương máu nữa kia đó.

Theo chỗ tôi biết thì đã có một số **hiện tượng hách dịch** đối với văn nghệ phẩm, xuất phát từ một số người phê bình cũng như từ một số cán bộ chính trị. Tôi rất đồng ý là văn nghệ sĩ mà nhất là văn nghệ sĩ có tài, cũng cần phải khiêm tốn. Nhưng chung quanh, nhất là những người có trách nhiệm về phán đoán cái này cái kia, đề nghị cũng làm như vậy cho. Tôi tán thành ý kiến là những “sĩ” của các ngành văn nghệ chúng ta chưa có gì là ghê gớm lắm đâu, về trình độ tư tưởng, trình độ văn hoá, trình độ nghề nghiệp còn phải học cho nát xương lòi da ra, học cho đến chết mà chắc gì đã nắm hết được quy luật của sự sống. Nhưng cũng không nên vì nó chỉ là “sĩ” của Việt Nam mà đánh giá nó quá thấp quá tồi về khả năng nhạy cảm đối với thực tế quan, cho nó là mít xoài tất trong mọi cảm xúc phiền toái và vĩ đại của thời đại vừa gieo neo vừa lớn lao hiện nay của chúng ta. Trong mọi thực tiễn Việt Nam nói chung các mặt, nếu đã có các tác giả còn non nớt, nếu đã có những tác phẩm yếu xoàng, thì cũng đã **có một số cán bộ thực hiện chính trị một cách cũng không cao tay gì lắm**. Đối với nghệ phẩm, anh đến với nó (nhất là thứ tạo ra ở bản xứ) mà anh tham lam quá đáng hoặc hung hăng một cách không cần thiết, thì nó biến mất (như là một cái sự gì là duy tâm vậy!). Mà như thế rồi kết quả là gì? Là thiệt cho cả văn nghệ cả chính trị, và quan trọng hơn nữa, là thiệt ngay cho cái cuộc sống muôn màu một hướng mà chúng ta đang động viên nhau mà phục vụ hết lòng.

Lại vẫn theo tôi nghĩ, cái đạo đức cách mạng lớn nhất của một người phê bình cách mạng là **đức độ**. Không phải đức độ sẽ ảnh hưởng này nọ đến lập trường giai cấp, mà trái lại, cái đức độ bao dung người ấy sẽ làm cho lập trường giai cấp chúng ta trở nên nhuần nhị hơn, mềm mại hơn trong cách làm mà vẫn cứng rắn về nguyên tắc. Đức độ sẽ giúp cho người phê bình (dù là lão luyện hoặc mới viết lởi) đỡ chủ quan. Mà khuôn vàng thước ngọc của nhận định của phê phán là gì, nếu căn bản không là đi từ khách quan mà đặt vấn đề? Kết thúc một số ý kiến của tôi, tôi xin trân trọng gạch dưới một câu trong một đoạn của đồng chí Trường Chinh, ở ngay cái văn kiện các đồng chí Hồng Chương và Trịnh Xuân An đã dẫn ra: “... Chúng ta mong rằng trong quần chúng thường thức văn nghệ sẽ gây thành một tập quán mới đón chào và phê bình nhiệt tình những tác phẩm mới ra đời”.

**Nguyễn Tuân**

(Trích báo Văn số 23 ngày 11-10-1957)

## NGUYỄN TUÂN TỰ PHÊ BÌNH

Trước Cách mạng tháng Tám và trước ngày kháng chiến, tôi sống tuyệt đối bằng cảm tình, chỉ dựa hoàn toàn vào những xúc cảm bản năng và phản ứng tình cảm để đánh giá cái tốt cái xấu cái thiện cái ác. Tôi nghĩ rằng thời kỳ ấy, tôi đã là người của thuyết hư vô và nhiều lúc đã quan niệm một cách nguy hiểm rằng người trí thức chân chính là phải hoài nghi tất cả. Đối với mọi vấn đề đảng phái và hoạt động đảng phái kể cả Đảng ta, lúc ấy, tôi hết sức tránh, nghĩ sai rằng nghệ thuật là ngoài chính trị và còn ở trên cả mọi chính trị, mọi hoạt động chính trị. Về những vấn đề lớn thuộc về vận mệnh dân tộc, tôi nghĩ rằng cái biểu hiện yêu nước của tôi ở tôi, tôi chỉ xin khung nó gọn vào vấn đề xây dựng tiếng nói dân tộc mà bản thân mình sẽ cố công đóng góp vào ít nhiều, qua những tìm tòi sáng tác văn học của bản thân mình. Trước mọi biểu hiện và mọi tương quan với cuộc sống chung quanh, tôi tự cho tôi là một đơn vị. Đối với chủ nghĩa cộng sản, con người duy tâm và tự do vô chính phủ của tôi đã là người tán thành cái thuyết viên vông được làm người cộng sản mà không ở trong tổ chức cộng sản.

Về quan niệm nghệ thuật, trước đây tôi là người của phái nghệ thuật vi nghệ thuật, tức là tôi đã chủ trương nghệ thuật không phục vụ chính trị. Một số sách và tiểu thuyết của những tác giả tờ-rốt-skit hoặc có quan điểm tờ-rốt-skit về tư tưởng nghệ thuật, đã ảnh hưởng phần nào đến cái nhìn của tôi đối với Xít-ta-lin, đối với những hoạt động chính trị, và cụ thể là rất có định kiến nghi ngại đối với tổ chức Đảng nói chung trên thế giới cũng như có ở ta. Tôi cho rằng làm chính trị thì không tránh được thủ đoạn này thủ đoạn khác và trên cái nhận thức sai lệch ấy, tôi càng tách con người văn nghệ ra khỏi bất cứ hoạt động chính trị gì. Có thể nói rằng tôi vẫn còn kéo dài cái sống phiêu lưu ngay cả sau thời kỳ Cách mạng tháng Tám đã thành công rồi, và sự cải tạo tư tưởng của tôi chỉ mới bắt đầu có từ ngày kháng chiến. Cuộc đấu tranh võ trang khắp đất nước đã cho tôi những điều kiện khách quan và chủ quan để dần dần uốn nắn lại một cái nhân sinh quan đòi bại ở trong tôi, cụ thể là giải quyết bước đầu cho tôi về các mặt tư tưởng hoài nghi.

Trong những năm kháng chiến, công tác và sáng tác của tôi, tuy chưa có là bao nhiêu, nhưng đều chứng minh cái kết quả bước đầu của cuộc cải tạo đó. Và tôi thấy cần phải nói thêm rằng có được cái kết quả ấy, cũng là nhờ ở phần khách quan nhiều hơn là phần chủ quan, và nhất là nhờ có cái phần Đảng dìu dắt cho. Cuộc sống kháng chiến có gian khổ về mặt vật chất và thể xác, nhưng có những thuận lợi khác về mặt trau dồi tinh thần cầu tiến và nhiệt tình cách mạng. Tuy chưa được toàn thân toàn ý, nhưng tôi cũng đã gắn bó rất nhiều với Đảng với nhân dân và tìm cái lẽ sống còn của bản thân mình trên cái cơ sở tập thể lớn lao ấy. Và mọi băn khoăn cá nhân chủ nghĩa, về căn bản đã được dẹp xuống.

Hoà bình trở lại đây, điều kiện khách quan đổi khác cả. Cách mạng chuyển giai đoạn đã mấy năm nay, tư tưởng tôi không những đã không chuyển theo kịp mà lại còn có những điểm ngoặt trở lại với những nếp cũ của thời kỳ trước Cách mạng tháng Tám. Cũng như nhiều anh chị em cán bộ khác về làm việc ở thành thị ngay từ ngày đầu tiếp quản, tôi cũng vẫn nói với tôi là đấu tranh hoà bình gian khổ phức tạp; phản đế phản phong trong kháng chiến, thế mà còn dễ hơn cái giai đoạn cách mạng này **nó đánh thẳng vào con người trí thức tiểu tư sản mình còn nặng những cái cặn của tư tưởng tư sản**. Nhưng đồng thời tôi lại vẫn bảo cả tôi và nhiều người khác cùng một thành phần giai cấp: “Tư tưởng tư sản và lực lượng tư sản ở ta, có gì mà làm ghê đến thế?”. (Tôi nhớ lại rằng trong hồi phát động quần chúng để cải cách ruộng đất, hình như tôi cũng đã kêu rằng giai cấp địa chủ và tư tưởng địa chủ ở ta thực ra có gì mà ghê đến thế?) Từ sau hoà bình, con người **cầu an hưởng lạc** ở tôi dần dần hồi sinh lại với cái nếp trước của người thị dân cũ trong tôi, vào những ngày đầu của Cách mạng tháng Tám. Tôi kêu cái này cái khác, đòi hỏi cách mạng phải thế nọ thế kia, tiếng kêu phù hợp với cái tiếng nói của chủ nghĩa hoà bình của cái số người cho rằng “miền Bắc ta làm mạnh quá, tốc độ chính trị đi gấp đi dữ như vậy, e khó mà tranh thủ được miền Nam”.

Lập trường tôi bấp bênh, nên tôi mâu thuẫn với tôi: vừa lo mình dồn đẩy nhanh quá, lại vừa sốt ruột cho tình hình ịch đủ các mặt. Đối với hiện tượng này hiện tượng khác về hộ khẩu, về thị trường của phần kinh tế quốc doanh, về đời sống anh bộ đội phục viên, về mức sống công trường xí nghiệp, về đợt năm của cải cách ruộng đất và đê vỡ, **những tình cảm tiểu tư sản trong con người động dao của tôi lại vẫn lên rất nhiều oán tiếc hờn dỗi, nó kết lại thành một cái cách nhìn phiến diện** để dẫn tới một cái nhìn khác bất công và uất, bất mãn và nghi kỵ. Chuyện trong nước đã thế, nhìn ra cả trong phe trong khối ta, thì thấy toàn những sự việc và hiện tượng **nó vượt qua cái trình độ nhận thức vốn lệch lạc của mình, và vượt quá cái khả năng đánh giá vốn một chiều và cực đoan của mình**. Đứng trước những khó khăn mới của cách mạng chuyển

mạnh giai đoạn, cái chất hoài nghi cố hữu ở trong tôi đã ngóc dậy rất mạnh nhất là từ sau đại hội XX Đảng Cộng sản Liên Xô.

Lần lại cái mạch tư tưởng của tôi ngược lên hồi Cách mạng tháng Tám, tôi thấy trong hệ thống tư tưởng của tôi đã có những luồng sóng ngầm nó quật lại nó dội lên, sau một giáp mười hai năm nó bị chìm xuống. Trong cơn khủng hoảng này, vì lạc phương hướng mà có lúc tôi đã nói đã nghĩ đã viết ra như là một người không phải là đảng viên. Một đôi khi, còn bắt được mình **đang thoát ly Đảng trong tư tưởng**. Nay giặt mình nhìn lại, thấy mình đã có trời trên cái dốc của **quan điểm chủ nghĩa xét lại**. Lòng tin bị sứt vỡ, cho nên đối với sự việc này, sự việc khác, đối với tài liệu này tài liệu khác, hay đòi lật ngược lại. Học tập tình hình thế giới còn dễ thông hơn tình hình trong nước. Nguồn tin chính thì tiếp thu có điều kiện, các nguồn tin khác thì nhận và phát đi một cách dễ dàng. Lập trường tư tưởng đã có sự lẫn lộn, cho nên nghiệt ngã với ý kiến của đồng chí, của bạn, cho nên dễ hoà theo với lời xúc xiểm gièm pha tán tỉnh của bọn ác bọn xấu. Cái phần vẫn đục trong con người hoài nghi của tôi đã là một miếng đất thuận tiện cho sự nảy nở của những tư tưởng do các nguồn đối địch gieo vào. Và muốn hay không muốn, trong một số công việc nhất định, **tôi đã trở nên một cái bình phong cho bọn xấu dùng được**.

Về phần sáng tác, gần đây tôi đã gặp những khó khăn trong tư tưởng sáng tác, cũng là do bi quan hoang mang tác động và hạn chế cái nhiệt tình của người nghệ sĩ cách mạng. Cũng là do cái phương pháp tư tưởng nặng nề về hiện tượng vụn vặt mà không nhìn thấy cái đại thể của cách mạng và cái hướng của sự vật trong quá trình phát triển cách mạng. Cũng là do lẽ này lẽ khác, nhưng cái chính là cái nguyên do ngờ vực. Chính vì sa sút đã đi vào chỗ lệch, chỗ sai, đã lạc hướng về tư tưởng và lầm lẫn về chỗ đứng của người đảng viên văn nghệ. Tôi đã có xu hướng tách văn nghệ ra khỏi chính trị và đối lập văn nghệ với chính trị. Ví dụ ở tuần báo *Văn* dưới đầu đề “Phê bình nhất định là khó” tôi đã viết: “Nếu đã có những tác giả còn non nớt, yếu ớt, nếu đã có những tác phẩm yếu xoàng, thì cũng đã có một số cán bộ thực hiện chính trị một cách cũng không cao tay gì lắm...”

Đối với tác phẩm in lại, tôi đã tự tiện gạt đi cái phần chính trị của vấn đề, để chỉ còn thấy có phần nghệ thuật. Đề tựa cho tập sách Thạch Lam và vở kịch *Kim tiền* của Vi Huyền Đắc, tôi chỉ có đề cao tác phẩm và tác giả mà **không đứng trên cái quan điểm văn học vô sản** của người phê bình cách mạng mà vạch ra những nhược điểm khuyết điểm và sai lầm của tác phẩm. In lại tập *Vang bóng một thời* của tôi, tôi cũng thiếu mất cái trách nhiệm của người tác giả đối với độc giả mà xác nhận thái độ của mình về nội dung tư tưởng của tác phẩm cũ. Thậm chí, còn đưa vào sáng tác tất cả các bức bối, cái hờn dỗi với thực tế, chì chiết cạnh khoẻ điều này điều nọ, như ở trong bài “Cây Hà Nội”:

*“Con người ở đây ít chú trọng đến cây... Ở đây, con người đối với con người cũng chưa đủ mức chú trọng, nói chi đến chuyện cây cối... Đôi lúc có nhớ đến người này người nọ thì ta chỉ quen nhớ những lúc họ đánh đổ hoặc đánh vỡ một cái gì...”*

Thực ra chủ nghĩa nhân đạo cộng sản chúng ta không bao giờ dạy con người tự mình tách khỏi tạo vật chung quanh và chà đạp hoa cỏ cây cối. Thực ra Đảng ta quan tâm đến trình độ văn hoá cần nâng cao dần cho quần chúng nhân dân, trong ấy mặc nhiên là có cái phần giáo dục thẩm mỹ, dạy con người yêu quý hoa cỏ quả cây và hướng nó vào cuộc sống cần lao của tập thể. Những câu đại để như ở bài “Cây Hà Nội”, với cái lối nói ỡm ờ đó, đã phần nào biến mùa Xuân miền Bắc thành ra những cái ngậm ngùi kích động đến những tâm sự sửa sai, tạo thành những cái đờn chiếu và bất công trong cách nhìn ra thực tế sinh động trên đất nước. Cách nhìn không lành mạnh ấy thật là không xứng đáng với bất cứ nhà văn nào muốn đóng góp giấy mực của mình vào cái quyết tâm chung sức xây dựng miền Bắc của mọi người. Cách nhìn và cách viết ấy không giải quyết gì cho cuộc sống nặng nề đang cần phải bốc lên đây lên. Nó có phần nào đã làm đầu têu cho một số mồm và bút sẵn sàng mượn khéo văn chương để nói cạnh và chửi đổng, móc máy việc này việc khác.

Nhưng trong cả một mớ lệch lạc lầm sai của tôi ít lâu nay, cái sai lầm tôi cho nghiêm trọng hơn hết, tức là cái sai lầm của tôi đối với nghị quyết của Bộ Chính trị của Đảng nhận định về tình hình văn nghệ. Nghị quyết phân tích sâu sắc, tổng kết đầy đủ rõ ràng về sự lũng đoạn của phần tử đối địch trong văn nghệ. Tôi được phổ biến nhiều lần về nghị quyết này, tôi vẫn cứ khẳng khẳng cho rằng văn học nghệ thuật ta ít lâu nay có vấn đề và đang có những vấn đề cần phải giải quyết sớm, tức là có nghiêm trọng về tình hình, nhưng không đến nỗi nghiêm trọng đúng như tinh thần và con chữ đã vạch ra trong từng chương mục của nghị quyết. Tại sao phải trải qua hơn ba tháng ròng học tập liên hệ, phải trải qua rất nhiều khó khăn của diễn biến tư tưởng và qua bao nhiêu công sức của đồng chí và đồng nghiệp giúp đỡ cho mà nay tôi mới nhất trí được với toàn bộ nghị quyết của Đảng về tình hình văn học nghệ thuật?

Chính là vì tôi đã mơ hồ về lập trường, không phân rõ địch ta, nên không nhìn thấy vấn đề đấu tranh giai cấp trong lĩnh vực văn học nghệ thuật giữa lúc cách mạng tiến lên đang đánh vào tất cả những cái gì dám chống đối và phản lại nó. Chính vì tôi non yếu và mơ hồ về chính trị, nên không thấy cái mặt chính trị của vấn đề văn nghệ đây. Bản chất cầu an hưởng lạc nghỉ ngơi ở tôi đã làm tôi mờ nhạt về sự tất yếu của cuộc đấu tranh này và quên cả cái tính chất của tổ chức Đảng ta là một tổ chức chiến đấu và đang cần chiến đấu quyết liệt trên mặt trận tư tưởng. (Cuối 1956, đóng cửa *Nhân văn*. Tôi là một chữ ký trong bản kiến nghị của nhiều anh em văn nghệ sĩ ký ngày 13-12-1956; nhưng trong tôi vẫn còn phân vân về biện pháp hành chính dùng với *Nhân văn*. Nay tôi đã thấy rõ là không thể thuyết phục cải tạo tờ báo đó và biện pháp ấy là biện pháp duy nhất).

Chính vì **tôi có xu hướng tách văn nghệ khỏi chính trị** nên tôi không nhận ra khía cạnh chính trị của vấn đề. Tôi thường còn hay kêu là ít lâu nay ta bàn chính trị quá nhiều trong văn nghệ và nên dành thì giờ để bàn về chuyên môn thì đúng hơn. Tôi không thấy rằng **tình hình địch ta** nghiêm trọng đã như thế, thì cái yêu cầu cấp bách của văn nghệ hiện nay là giải quyết về chính trị đã, rồi trên cái cơ sở trắng đen đã phân rõ ấy, trong nội bộ nhân dân của văn nghệ, mới thanh thoát được cho sự thảo luận chuyên môn văn nghệ. Không nhìn nhận ra được chỗ sáng suốt của nghị quyết của Đảng về tình hình văn nghệ bị lũng đoạn, tôi cho cái nguyên nhân chính còn nằm ở cái chỗ lòng tin của tôi đối với Đảng. Từ sau hoà bình và nhất là từ sau Đại hội XX Đảng Cộng sản Liên Xô, **lòng tin của tôi đối với Đảng đã có thêm những màn đen của sự nghi ngờ**.

Thời kỳ mở phong trào chống chủ nghĩa sùng bái cá nhân cũng là thời kỳ tôi đi sâu vào một bệnh sùng bái khác. Tức là tôi đã tự phụ, tự túc, tự ái, tự đại mà sùng bái cái cá nhân trí thức tiểu tư sản của tôi. Tôi cho là phải phát triển tới cái độ cao nhất về việc suy nghĩ độc lập, lấy tư duy độc lập ra mà làm cái thừa trừ cho cái kiểu mà tôi vẫn gọi là: “Cách nghĩ một chiều của nhiều đồng chí chúng ta”. Ngông nghênh với sự phát triển bừa bãi đó, tôi đã tự huyền hoặc mình về cái kiến thức bản thân thổi phồng bơm to lên, tự phỉnh nịnh mình đến cái mức bọn ác bọn xấu dùng được mình mà không nhận ra, đến cái mức chỉ thấy có mình mà không thấy phương hướng trong tư tưởng. Qua một lần kinh nghiệm tôi tự phát trên một cái cơ sở cá nhân bấp bênh, nay tôi nghĩ rằng Đảng ta, trên con đường từ nay kiện toàn chuyên chính vô sản song song với mở rộng dân chủ, Đảng ta không những không hạn chế sự nghĩ độc lập của đảng viên và anh chị em trí thức, mà lại còn khuyến khích mọi người đóng góp cái phần trí tuệ chân cảm của mình vào cái khối trí tuệ vĩ đại của Đảng. Riêng tôi, qua một trận thử thách vừa rồi, qua cái bài học choáng váng vừa rồi để phân rõ thiện ác trong giới văn nghệ phức tạp, tôi thấy sáng lên cái chân lý này:

- Muốn suy nghĩ độc lập, cần phải có vốn phong phú về thực tế đấu tranh, cộng với một căn bản lý luận cách mạng chắc chắn;
- Khi mình đã ngờ vực Đảng thì dễ nghĩ sai và làm sai.

Những cái tôi nói đó, thực ra không có gì là mới cả, nhưng riêng với tôi, nó có cái giá trị của một lần “suy nghĩ” vừa đau xót vừa yên tâm, vừa lành mạnh. Viết ra đây cái điều trên, tôi thấy tôi thoải mái trong sự khiêm tốn thành khẩn và càng thấy gần Đảng hơn bao giờ.

**Nguyễn Tuân**

8-4-58

Trích tạp chí *Văn nghệ* số 12 tháng 5-1958 (xuất bản ở Hà Nội)